

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN U
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN U TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thúc; Ông Lò Văn Yêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang T Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân U, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân U, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân U, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2024/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST - HNGĐ ngày 26/8/2024; giữa các đương sự:

NgU đơn: Chị La Thị U, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản Phiêng Tâm, xã Mường Khoa, huyện Tân U, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản Phiêng Tâm, xã Mường Khoa, huyện Tân U, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ngU đơn chị La Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị U và anh Lò Văn T tự nguyện yêu thương nhau và về chung sống với nhau từ năm 2010, đến ngày 02/8/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Khoa, huyện Tân U, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống chị và anh T chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2019 thì vợ chồng thường xU xảy ra

mâu thuẫn, cãi vã, đánh chửi lẫn nhau, ngU nhân theo chị U là do anh T chơi bời, sử dụng trái phép chất ma túy. Tháng 8/2019 chị và anh T sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Đến khoảng tháng 5/2023 vì thương các con nên chị đã trở về chung sống với anh T nhưng anh T vẫn không thay đổi, tiếp tục chơi bời, không quan tâm đến gia đình, vợ con, phá tán tài sản trong gia đình. Tháng 10/2023 chị bỏ đi làm thuê dưới Hà Nội còn anh T và các con vẫn sinh sống ở bản Phiêng Tâm, xã Mường Khoa và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến tháng 4/2024 chị trở về địa phương, sau đó ở nhờ tại nhà của chị gái tại bản Tân Bắc, xã Pắc Ta, huyện Tân U. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh T, hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc, vợ chồng không tìm được Tg nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Lò Văn Hải, sinh ngày 11/5/2010 và Lò Thúy Hằng, sinh ngày 30/3/2012. Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, chị U thể hiện có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị thay đổi và đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi vì các con chung đều có nguyện vọng được ở với anh T.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn*: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lò Văn T mặc dù biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh và chị U nhưng anh không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết các loại giấy tờ theo quy định của pháp luật. Vì vậy Tòa án cũng không lấy được lời khai của anh T.

Ý kiến của con chung: 02 con chung của chị U và anh T là cháu Lò Văn Hải và cháu Lò Thúy Hằng đều có nguyện vọng được ở với anh T, vì hiện tại các cháu đang sinh sống và học tập tại nơi có anh T và bố mẹ đẻ của anh T sinh sống cũng như để thuận lợi cho việc học tập, sinh hoạt của các cháu vì bố mẹ đẻ của anh T cũng có nhiều thời gian hỗ trợ anh T chăm sóc các cháu.

Tại biên bản xác minh ngày 30/7/2024 thông qua ông Lò Văn Phóng và bà Hà Thị Tịnh là bố mẹ đẻ của anh Lò Văn T cho thấy: Từ khi chị U và anh T sống ly thân cho đến nay thì anh T và 02 con chung đều sinh sống cùng với ông Phóng và bà Tịnh. Hiện tại anh T đi làm thuê tại Hà Nội để kiếm thêm thu nhập, anh T thường xU gọi điện về cho ông bà để thăm hỏi các con, đồng thời gửi số tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng cho ông bà để nuôi dưỡng chăm sóc các con. Ông bà cho biết anh T có biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh T và chị U, nhưng vì công việc không xin nghỉ được để về Tòa án giải quyết, bên cạnh đó ông bà cho biết anh T

tâm sự là có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời ông Phóng và bà Tịnh cũng sẽ hỗ trợ anh T chăm sóc con cái.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Mường Khoa cho thấy: Anh Lò Văn T có các giấy tờ tùy thân thể hiện ngày tháng năm sinh mâu thuẫn, do vậy xác minh anh Lò Văn T sinh ngày 01/01/1992 và Lò Văn T sinh ngày 12/9/1992 là cùng một người và xác định anh T sinh ngày 01/01/1992 là đúng; Anh Lò Văn T và chị La Thị U đều cư trú tại bản Phiêng Tâm, xã Mường Khoa, huyện Tân U. Chị U và anh T đăng ký kết hôn ngày 02/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Mường Khoa, quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, ngU nhân xảy ra mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được vì chị U và anh T không đề nghị chính quyền địa phương hòa giải; Chị U và anh T có 02 con chung là cháu Lò Văn Hải và cháu Lò Thúy Hằng, hiện các cháu đang sinh sống cùng anh T và bố mẹ đẻ của anh T tại bản Phiêng Tâm, xã Mường Khoa, huyện Tân U. Ý kiến của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng của các cháu để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu. Chị U và anh T đều làm ruộng, ngoài ra còn làm thuê tự do. Xác minh về mức thu nhập bình quân tại địa phương (trên địa bàn xã Mường Khoa) là 42.000.000 đồng/01 người/năm.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- NgU đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 - Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 - Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị La Thị U, xử cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lò Văn Hải, sinh ngày 11/5/2010 và cháu Lò Thúy Hằng, sinh ngày 30/3/2012 cho anh Lò Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: NgU đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Chị La Thị U có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con. Xác định bị đơn anh Lò Văn T có địa chỉ: Bản Phiêng Tâm, xã Mường Khoa, huyện Tân U, tỉnh Lai Châu và đây là quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân U, tỉnh Lai Châu.

Về xét xử vắng mặt: NgU đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định T hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị U và anh Lò Văn T tự nguyện yêu thương nhau không bị ép buộc. Ngày 02/8/2012 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Khoa, huyện Tân U, tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xU cãi nhau, ngU nhân theo chị U là do anh T chơi bời, sử dụng trái phép chất ma túy, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được Tg nói chung. Do đó chị U và anh T đã sống ly thân từ tháng 8/2019, đến tháng 5/2023 thì anh chị lại về chung sống với nhau, vì thương các con nên chị U cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị U cho rằng anh T vẫn không thay đổi, vẫn chơi bời không quan tâm đến gia đình vợ con, nên chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị U và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Khoa, huyện Tân U, tỉnh Lai Châu theo quy định của pháp luật. Xác định anh chị tự nguyện đến với nhau và tự nguyện kết hôn, nay chị U nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U, giải quyết cho chị U được ly hôn với anh T theo quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị U và anh T có 02 con chung là cháu Lò Văn Hải, sinh ngày 11/5/2010 và cháu Lò Thúy Hằng, sinh ngày 30/3/2012. Xét thấy, tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai chị U thể hiện có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung

cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên do 02 con chung đều có nguyện vọng ở với anh T, vì vậy tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị thay đổi và đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án T hành lấy ý kiến 02 con chung của chị U và anh T là cháu Lò Văn Hải và cháu Lò Thúy Hằng thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh T; Bên cạnh đó thông qua ý kiến của bố mẹ đẻ của anh T thì anh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị U cấp dưỡng.

Xét thấy từ sau khi chị U và anh T mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay, 02 con chung đều sinh sống cùng với anh T và bố mẹ của anh T, được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt, được học tập đầy đủ; 02 con chung đều có nguyện vọng được ở với anh T; chị U cũng thay đổi nguyện vọng và đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; bên cạnh đó thông qua ý kiến của bố mẹ anh T cho thấy anh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và bố mẹ của anh T sẽ hỗ trợ anh chăm sóc con cái. Mặt khác, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy anh T chưa bị xử lý về các hành vi liên quan đến vấn đề bạo lực gia đình, không thuộc đối tượng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, anh T có nghề nghiệp làm ruộng, ngoài ra anh còn làm thuê thêm nghề xây dựng để kiếm thêm thu nhập nuôi dưỡng các con, hiện tại anh T đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ, có chỗ ở ổn định, còn chị U không có chỗ ở ổn định và đang ở nhờ tại nhà chị gái tại bản Tân Bắc, xã Pắc Ta, huyện Tân U. Vì vậy, để không làm xáo trộn việc học tập của các con chung, đảm bảo cho các con chung có cuộc sống, sinh hoạt thuận lợi, phù hợp với nguyện vọng của các con chung cũng như nguyện vọng của các đương sự, vì vậy cần giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với tình hình điều kiện thực tế cũng như nguyện vọng của các bên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: NgU đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân U tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

TU xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị La Thị U được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lò Văn Hải, sinh ngày 11/5/2010 và cháu Lò Thúy Hằng, sinh ngày 30/3/2012 cho anh Lò Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị La Thị U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản 2 Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”*.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị La Thị U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị U đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí kí hiệu BLTU/23 số 0000916 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân U, tỉnh Lai Châu.

5. Quyền kháng cáo: NgU đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã Mường Khoa;
- Các đương sự;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: HS;

Nguyễn Thị Phương